

Bản án số: 354/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24-9- 2020
V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Kiều

2/ Ông Trương Thành Tuấn

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258 /2020/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Mỹ K, sinh năm: 1987 (Có mặt)
Địa chỉ: Tổ 7, ấp Tấn L, xã Tấn M, huyện C, tỉnh An Giang

2.*Bị đơn:* Anh Trần Văn N, sinh năm: 1982 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 13, ấp Hòa L, thị trấn A, huyện C, An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 01/06/2020, nguyên đơn chị Phan Thị Mỹ K trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn N kết hôn với nhau vào năm 2012, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tấn M, huyện C, An Giang. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, khoảng 2 năm nay thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong cuộc sống. Từ đó dẫn đến bất đồng trong tình cảm vợ chồng không tôn trọng nhau, không còn tin tưởng

nhau, cuộc sống luôn bất hòa gia đình không còn êm ấm hạnh phúc. Vợ chồng anh chị ly thân hơn 01 năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng bị rạn nứt do mâu thuẫn ngày càng nhiều, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn N.

- Về con chung: Có 01 con chung là Trần Vũ P, sinh ngày 7/7/2014, hiện tại đang sống với chị K. Sau ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu P, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Trần Văn N vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị K. Tòa án cũng tiến hành xác minh lại sự vắng mặt của anh N tại địa phương. Qua xác minh tại địa phương thì anh N hiện nay hộ khẩu thường trú vẫn ở tổ 13, ấp H, thị trấn A, huyện C, An Giang, nhưng anh N vắng mặt tại nhà nên không lấy lời khai lại được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng. Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đề nghị. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K, cho chị K ly hôn với anh N. Về con chung: Đề nghị giao cháu P cho chị K nuôi dưỡng, anh N không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Anh Trần Văn N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Trần Văn N vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn N theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Mỹ K và anh Trần Văn N kết hôn với nhau vào năm 2012, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo đơn chị K trình bày thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, khoảng 2 năm nay thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong cuộc sống. Từ đó dẫn đến bất đồng trong tình cảm vợ chồng không tôn trọng nhau, không còn tin tưởng nhau, cuộc sống luôn bất hòa gia đình không còn êm ấm hạnh phúc. Vợ chồng anh chị ly thân hơn 01 năm nay. Xét thấy với thời gian ngắn chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai không tìm ra biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng dẫn đến vợ chồng ngày càng thêm mâu thuẫn. Trong thời gian ly thân hai bên không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy mời nhưng anh N cũng không đến và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để có ý kiến về việc xin ly hôn của chị K. Hiện tại chị K xác định không còn tình cảm với anh N. Tại tòa chị vẫn cương quyết xin ly hôn. Do đó, hôn nhân của chị K và anh N không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điều 56 của luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung là Trần Vũ P, sinh ngày 7/7/2014, hiện tại đang sống với chị K. Sau ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu P, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ nhỏ cháu P đã sống với chị K, được chị chăm sóc cuộc sống hiện tại tương đối ổn định. Do đó để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu, nghĩ nên để chị K được tiếp tục nuôi cháu P là phù hợp. Chị K không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét. Chị K phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh N được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai cản trở khi anh thực hiện quyền này.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị Phan Thị Mỹ K trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về án phí: Do yêu cầu của Chị Phan Thị Mỹ K được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 9, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân gia đình 2014, các điều 28, 35, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phan Thị Mỹ K. Cho ly hôn giữa chị Phan Thị Mỹ K và anh Trần Văn N.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 111/KH, ngày 01/6/2012 của Ủy ban nhân dân xã Tân M, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Chị Phan Thị Mỹ K được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Vũ P, sinh ngày 7/7/2014, anh Trần Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị K phải

tạo điều kiện thuận lợi cho anh N được quyền tới lui chăm sóc cháu Phong, không ai được cản trở khi anh thực hiện quyền này.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Phan Thị Mỹ K trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thị Mỹ K phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0007056 ngày 14/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5. Về kháng cáo: Chị Phan Thị Mỹ K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/9/2020). Anh Trần Văn N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Dung